**NỘI DUNG BÀI HỌC TIẾNG ANH 6**

**TUẦN 2 (Từ 12/9 đến 17/9/2022)**

**UNIT 1: HOME- LESSON 2**

**I. VOCABULARY**

1.bed (n): cái giường

- bedroom (n): phòng ngủ

- bathroom (n): phòng tắm

2. dinner (n): bữa tối

🡪 have dinner = eat dinner: dùng bữa tối( ăn tối)

3. laundry (n): việc giặt ủi

4. shopping (n): việc mua sắm

🡪 go shopping (v): đi mua sắm

5. a dish (n): cái đĩa

6. kitchen (n): nhà bếp

7. clean (v): lau dọn, làm sạch

8. house (n): căn nhà

🡪 do the housework(v): làm việc nhà

9. colledge student (n): sinh viên cao đẳng

10. homework (n): bài tập về nhà

- I often do my homework in the evening.

**II. GRAMMAR** : The simple present tense

1. **Positive**(khẳng định)

I/We/ You/ They/ S(số nhiều) + V- infinitive

He/She/ It/ S(số ít) + V- s/es

Ex:

I do my homework in the evening

She does the housework every day

1. **Negative** (phủ định)

I/We/ You/ They/ S(số nhiêu) + don’t +V

He/She/ It/ S(số ít) + doesn’t + V

Ex:

Nga doesn’t play soccer

They don’t like watching TV

1. **Questions** (câu hỏi)

Do + I/We/ You/ They/ S(số nhiêu) + V

Does + He/She/ It/ S(số ít) + V

Ex:

Do you like watching TV? -Yes,I do / No, I don’t

Does she play tennis? -Yes, she does / No, She doesn’t

**Note**

**Wh- + do/does + S +V….?**

What housework do you do every day? – I do shopping

Where does she live? She lives in Hoc Mon

**III. PRACTICE**

* Do the exercise **b,c** ( Student’s book- page 10)

**IV. HOMEWORK**

* Copy the vocabulary
* Learn vocabulary and grammar by heart
* Do exercise on page 4,5 (Workbook)